

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-PT

Ngày 08/5/2020

V/v “Tranh chấp yêu cầu trả lại nhà và đất và
chấm dứt hành vi cản trở quyền tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn.

Bà Mai Vương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân
tHnh phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Võ Hồng
Thắng- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLPT-DS ngày 06
tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp yêu cầu trả lại nhà và đất và chấm dứt hành vi
cản trở quyền tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2019/DSST ngày 25 tháng 11 năm 2019
của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2020/QĐPT-DS
ngày 19 tháng 02 năm 2020; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 34/TB-TA
ngày 12/3/2020; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 54/TB-TA ngày

01/4/202020 và Thông báo mở lại phiên tòa số : 85/2020/TB-TA ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T. Sinh năm 1952; Trú tại: 139/2 đường H, quận T, thành phố Đ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc B. Sinh năm 1974 và bà Huỳnh Thị H. Sinh năm 1981; Cùng trú tại: Số 38 (Lô 88), đường A, phường M, quận N, thành phố Đ.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Nguyễn Ngọc B:* Bà Huỳnh Thị H. Sinh năm 1981; Cùng trú tại: Số 38 (Lô 88), đường A, phường M, quận N, thành phố Đ (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2020). Bà H có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông Trần Xuân V – Luật sư công tác tại Văn phòng Luật sư Hòa Phát thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Ông Dương Duy L. Sinh năm 1971; Trú tại: 360/15 đường H, thành phố Đ. Vắng mặt.

- Bà Mai Thị V; Trú tại: 87 đường H, quận N, thành phố Đ. Vắng mặt.

4. *Cơ quan thẩm định giá tài sản:* Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE chi nhánh Đà Nẵng; Địa chỉ: 104 - 106 - 108 đường N, quận H, TP Đ. Người Đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:* Nguồn gốc nhà và đất tại lô 88 đường An Thượng 5, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng thuộc thửa đất số 181, tờ bản đồ số 49, diện tích 67,5m² là do bà tạo lập và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA615219 ngày 08/7/2010. Theo kết quả định giá tài sản của Công ty cổ phần Thẩm định giá

BTC VALUE chi nhánh Đà Nẵng, cụ thể: Giá trị quyền sử dụng đất: 7.649.660.790 đồng. Giá trị công trình xây dựng nhà ở trên đất: 146.908.102 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất: 7.796.568.892 đồng. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận, bà đã tiến hành xây dựng nhà ở trên thửa đất này và sinh sống ổn định từ năm 2010 cho đến năm 2017, không ai tranh chấp. Đến cuối năm 2017, con trai bà là Nguyễn Ngọc B cùng vợ là Huỳnh Thị H tự dọn đồ đạc về ở tại ngôi nhà này và bà đã không đồng ý cho ở từ đây phát sinh mâu thuẫn. Sau đó, ông B giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để gây sức ép cho bà. Sự việc này bà đã tố cáo với chính quyền địa phương nhưng vẫn chưa giải quyết dứt điểm. Cách đây khoảng 05 tháng, con trai bà là ông B đã đánh đập bà và bà phải về nhà cha mẹ tại phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng để ở. Để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp chính đáng của mình, ngày 27/02/2019, bà làm đơn đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho bà và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số CP 878297 đứng tên Lê Thị T, trong phần ghi chú có nêu Giấy chứng nhận này thay thế giấy chứng nhận số BA 615219 cấp năm 2010 đã bị mất. Nay bà T yêu cầu buộc ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H trả lại cho bà nhà và đất tại lô 88 đường An Thượng 5, phường Mỹ An, quận Ngũ Hnh Sơn, TP. Đà Nẵng và chấm dứt hành vi cản trở quyền về tài sản.

- Bị đơn là vợ chồng ông Trần Ngọc Bảo và bà Huỳnh Thị H trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp đứng tên bà Lê Thị T nhưng thực tế khi mua đất với giá 570.000.000 đồng thì mẹ ông góp 370.000.000 đồng và vợ chồng ông góp 200.000.000 đồng, ông là người đứng ra làm thủ tục để mẹ ông đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì ông nghĩ ông là con trai duy nhất nên cuối cùng ông cũng là người thừa kế, mẹ hay ông đứng tên không quan trọng. Tháng 09/2010, ông trực tiếp ký hợp đồng xây dựng đồng thời cung cấp toàn bộ nguyên vật liệu xây dựng căn nhà trên với tổng chi phí là 150.000.000 đồng. Trong đó, 27.000.000 đồng là tiền công thợ phải trả cho ông Dương Duy L; 123.000.000 đồng là tiền vật tư phải trả cho bà Mai Thị V. Từ

khi xây dựng hoàn thành đến nay gia đình ông dọn về sinh hoạt đồng thời kinh doanh tại căn nhà tới nay. Tại phiên hòa giải ngày 09/8/2019, ông đồng ý trả lại nhà và đất cho bà trong trường hợp bà T phải bồi trả cho vợ chồng ông 4.500.000.000 đồng. Đến ngày 01/10/2019, ông thay đổi lời trình bày, ông không có yêu cầu phản tố, ông không yêu cầu bà T phải bồi trả cho ông 4.500.000.000 đồng, mà xác định nguồn gốc đất là vợ chồng ông và mẹ bỏ tiền ra mua lô đất trên với giá 570.000.000 đồng, trong đó mẹ ông góp 370.000.000 đồng và ông góp 200.000.000 đồng. Về tài sản trên đất là do vợ chồng ông mua vật liệu xây dựng, hợp đồng xây dựng nhà và chi phí toàn bộ công trình là do vợ chồng ông tự xây dựng, mẹ ông không đóng góp gì về ngôi nhà trên. Ông yêu cầu Tòa án công nhận đây là tài sản của vợ chồng ông. Ông đồng ý với kết quả định giá tài sản đang tranh chấp.

- **Người làm chứng:** Ông Dương Duy L xác nhận có ký hợp đồng với ông Nguyễn Ngọc B xây dựng căn nhà tại lô 88 đường An Thượng 5 với giá xây dựng là 27.000.000 đồng; bà Mai Thị V xác nhận tại thời điểm năm 2010 có bán vật liệu xây dựng cho ông Nguyễn Ngọc B.

- **Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE chi nhánh Đà Nẵng** là cơ quan thẩm định giá có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2019/DSST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Áp dụng: Điều 10 Luật Nhà ở; Điều 163, 164, 166, 357 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 229, 239, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận “*Yêu cầu trả lại nhà đất và chấm dứt hành vi cản trở quyền tài sản*” của bà Lê Thị T đối với ông Nguyễn Ngọc B, bà Huỳnh Thị H. Tuyên xử:

[1] Buộc ông Nguyễn Ngọc B, bà Huỳnh Thị H phải ra khỏi căn nhà tại lô 88 đường An Thượng 5, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng (đã

được Sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 878297 ngày 27/02/2019) để trả lại nhà và đất cho bà Lê Thị T và chấm dứt hành vi cản trở quyền về tài sản đối với bà Lê Thị T, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H số tiền 146.908.102 đồng ngay sau khi ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H thi hành nghĩa vụ trả nhà cho bà Lê Thị T.

[3] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Bà Lê Thị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009540 ngày 07 tháng 5 năm 2019 của cơ quan Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/12/2019, ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Ông B và bà H cho rằng mẹ ông là bà Lê Thị T đưa 370.000.000 đồng, vợ chồng ông bà bỏ ra 200.000.000 đồng để mua lô đất đứng tên mẹ ông. Sau đó vợ chồng ông mua vật liệu xây dựng và thuê người xây dựng. Tổng chi phí công trình là 150.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm buộc ông bà giao nhà và đất cho bà T là không hợp lý, không đúng pháp luật. Vì vậy, ông bà đề nghị cấp phúc thẩm xem xét trên cơ sở thẩm định giá, chia tài sản nhà và đất trên tỷ lệ 50/50 để đảm bảo quyền lợi cho ông bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan thẩm định giá: Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE chi nhánh Đà Nẵng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Người làm chứng: Ông Dương Duy L, bà Mai Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có bản khai đầy đủ, hai bên đương đầu thống nhất tiến hành xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H thì thấy: Ông Nguyễn Ngọc B là con ruột và là con duy nhất của bà Lê Thị T. Vào ngày 07/6/2010, ông Bùi Văn T và bà Lê Thị T ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 88, tờ bản đồ KT 02/2, diện tích 67,50m² tại An Thượng 5, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng với giá theo hợp đồng là 100.000.000 đồng nhưng thực tế chuyển nhượng là 570.000.000 đồng. Sau đó, bà Lê Thị T được UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 615219 ngày 08/7/2010 thửa đất số 181, tờ bản đồ số 49, diện tích 67,50m² địa chỉ Lô 88, đường A, phường M, quận N, thành phố Đ. Sau khi nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T tiến hành xây dựng nhà và ở đó từ năm 2010 cho đến cuối năm 2017 thì vợ chồng con trai bà là ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H về sinh sống cùng bà và từ đó giữa hai bên phát sinh tranh chấp. Ông B giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà Lê Thị T đã yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó nên ngày 27/02/2019, Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 90/QĐ-STNMT về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 615219 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 08/7/2010 cho bà Lê Thị T với lý do mất Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 27/02/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Lê Thị T với số CP 878297.

[3] HĐXX xét thấy: Về nguồn gốc đất: Toàn bộ quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nộp thuế đất đứng tên bà Lê Thị T. Mặc dù vợ chồng ông Bảo cho rằng nguồn gốc thửa đất là do vợ chồng ông góp vốn cùng mua trong đó bà T 370.000.000 đồng, còn vợ chồng ông 200.000.000 đồng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông B và bà H không xuất trình được bất cứ chứng cứ gì để chứng minh cho việc góp vốn của mình. Mặt khác, tại biên bản làm việc ngày 10/12/2018 tại Công an phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng giải quyết việc bà Lê Thị T cho rằng ông B đuổi bà ra khỏi nhà thì ông B thừa nhận ông có nhà ở Hòa An, quận Cẩm Lệ nhưng đã cho thuê đến tháng 04/2019 hết thời hạn hợp đồng thì mới chuyển về trên đó sinh sống và mong muốn mẹ ông cho ở đến hết ngày 01/4/2019 và ông cam đoan không có hành vi ngược đãi mẹ. Ngoài ra, tại biên bản hòa giải ngày 28/3/2019 do Chi ủy chi bộ 19 cùng toàn thể khu dân cư 19 phối hợp tổ chức hòa giải thì ông B xác nhận đất là của bà T, còn tài sản gắn liền với đất là của vợ chồng ông bỏ ra xây dựng. Mặc dù quá trình xây dựng nhà được ông Dương Duy L và bà Mai Thị V xác nhận ông Nguyễn Ngọc B là người đứng tên ký hợp đồng xây dựng căn nhà tại lô 88 đường An Thượng 5. Tuy nhiên, vì bà T là mẹ ruột của ông B, tuổi cao sức yếu nên bà giao cho ông B làm công việc xây dựng nhà nên việc ông B đứng tên giao dịch mua bán vật liệu để xây dựng nhà ở cũng là điều dễ hiểu và điều này đã chứng minh việc vợ chồng ông B, bà H với bà T không có hợp đồng góp vốn gì cả.

[4] Như vậy, quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại lô 88 đường An Thượng 5, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng công nhận bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 878297 ngày 27/02/2019 đứng tên bà Lê Thị T thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị T. Do đó,

việc vợ chồng ông B, bà H khai nại ông bà bỏ ra 200.000.000 đồng để mua lô đất đứng tên mẹ ông. Sau đó vợ chồng ông mua vật liệu xây dựng và thuê người xây dựng, để từ đó yêu cầu chia tài sản nhà và đất theo tỷ lệ 50/50 và tại phiên tòa yêu cầu bà T trả 1.000.000.000 đồng là hoàn toàn không có cơ sở.

[5] Tuy nhiên, bà T cho rằng mặc dù đây là tài sản của bà nhưng vợ chồng ông B, bà H cũng có công sức khi bà xây dựng nhà nên bà tự nguyện thôi trả số tiền vật kiến trúc là: 146.908.102 đồng (Theo kết quả chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE chi nhánh Đà Nẵng) cho vợ chồng ông B, bà H. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T đối với vợ chồng ông B, bà H nên HĐXX ghi nhận.

[6] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H cho rằng trong quá trình mua đất đối với lô 88, đường A, phường M, quận N, thành phố Đ, trong đó bà T góp 370.000.000 đồng, vợ chồng ông B, bà H góp 200.000.000 đồng nhưng do ông B là con đẻ của bà T nên không có chứng cứ gì về hợp đồng góp vốn. Quá trình xây dựng nhà, vợ chồng ông B, bà H cũng là người đứng ra xây dựng ngôi nhà trên. Hiện nay do nợ nần, vợ chồng ông B, bà H đã bán nhà, không có chỗ ở nên đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét bản án có tình, có lý chấp nhận ý kiến của bà H yêu cầu bà T trả cho vợ chồng ông B, bà H 1.000.000.000 đồng. Xét đề nghị của Luật sư là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H.

[8] Về án phí DSST: Ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đối với bà Lê Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, lẽ ra, cấp sơ thẩm cần hướng dẫn bà T viết đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí mới đúng quy định của pháp luật. Do bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí nên số tiền này sẽ được hoàn trả lại cho bà T.

[9] Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí DSPT.

[10] Về chi phí tố tụng: Bà T tự nguyện chịu nên không đề cập đến.

[11] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm với nội dung không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 10 Luật nhà ở; Điều 163, 164, 166, 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2019/DSST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

2.1. Chấm dứt hành vi cản trở quyền về tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc B, bà Huỳnh Thị H đối với bà Lê Thị T.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc B, bà Huỳnh Thị H phải ra khỏi căn nhà tại số 38 (lô 88), đường An Thượng 5, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng. (Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 878297 ngày 27/02/2019) để trả lại nhà và đất cho bà Lê Thị T.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ số tiền 146.908.102 đồng của bà Lê Thị T đối với vợ chồng ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.4. Án phí DSST: Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009540 ngày 07 tháng 5 năm 2019 của cơ quan Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

2.5. Án phí DSPT: Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc B và bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009752 ngày 04/12/2019 của cơ quan Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THA dân sự quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé